

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 183/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỶ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 68/2000/NĐ-CP, ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Số 21/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 3 năm 2010 về quản lý biên chế công chức; Số 41/2012/NĐ-CP, ngày 08 tháng 5 năm 2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 720/QĐ-BNV, ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hà Tĩnh năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 422/TTr-UBND, ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội và chỉ tiêu lao động năm 2020; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội, chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2020 như sau:

1. Biên chế công chức hành chính

Tổng số giao 2.294, trong đó:

- Biên chế giao sở, ban, ngành: 1.274.
- Biên chế giao Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1.020.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Tổng số lượng người làm việc giao: 26.502, trong đó bao gồm:

a) Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 22.247

- Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp: 483
- Bậc học Mầm non và Phổ thông các cấp: 21.586, gồm:
 - + Mầm non: 5.885
 - + Tiểu học: 6.974
 - + THCS: 5.530
 - + THPT: 3.013
 - + Biên chế giáo dục phổ thông dôi dư: 214
- Trung tâm GDNN và GDTX cấp huyện: 159
- Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và GDTX tỉnh: 19.

b) Sự nghiệp Y tế: 2.921.

c) Sự nghiệp Văn hóa, thể thao, du lịch: 402.

d) Sự nghiệp Thông tin và Truyền thông: 98.

đ) Sự nghiệp Nghiên cứu Khoa học: 183.

e) Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: 651.

3. Số lượng người làm việc trong các tổ chức hội, đoàn thể: 96 số người làm việc và 45 định suất hỗ trợ bằng ngân sách nhà nước.

4. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 334, trong đó: cơ quan hành chính: 187 chỉ tiêu; đơn vị sự nghiệp: 139 chỉ tiêu; tổ chức hội: 08 chỉ tiêu.

(Danh mục và số lượng biên chế cụ thể có các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết này.

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã phương thực hiện nghiêm túc, kịp thời và quyết liệt các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sắp xếp, kiện toàn tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đảm bảo vượt mức lộ trình đã phê duyệt; rà soát, tính toán kỹ nguồn chi thường xuyên gắn với giao biên chế ở các đơn vị, địa phương, lĩnh vực để đảm bảo tiết kiệm chi thường xuyên; quan tâm tập trung, có giải pháp quyết liệt, hiệu quả để sắp xếp tinh gọn các đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh thực

hiện tự chủ ở các đơn vị sự nghiệp công lập đang được Nhà nước hỗ trợ ngân sách cơ bản đảm bảo đủ điều kiện sang đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

2. Thực hiện việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức đảm bảo theo quy định, trong đó: Thực hiện nguyên tắc số công chức, viên chức được tuyển dụng mới cân cân nhắc thật kỹ để đảm bảo cho lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm triệt để tiết kiệm chi hành chính và tăng đầu tư phát triển. Thực hiện quản lý vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số người làm việc các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị tự chủ một phần biên chế hiệu quả.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
NĂM 2020

(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	2481	2294	187	
A	CẤP TỈNH	1412	1274	138	
1	Lãnh đạo, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	105	85	20	
1.1	Lãnh đạo HĐND và UBND tỉnh	13	13		
1.2	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	92	72	20	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	47	3	
3	Sở Tài chính	67	64	3	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	448	397	51	
4.1	Cơ quan Sở	46	44	2	
4.2	Chi cục Thủy sản	32	28	4	
4.3	Chi cục Chăn nuôi Thú y	24	21	3	
4.4	Chi cục TT và Bảo vệ thực vật	21	19	2	
4.6	Chi cục Kiểm lâm	256	224	32	
4.7	Chi cục Thủy lợi	38	34	4	
4.8	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	13	12	1	
5	Sở Y tế	66	61	5	
5.1	Văn phòng Sở	37	34	3	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
1	2	3	4	5	6
5.2	Chi cục Dân số - KHHGD	15	14	1	
5.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	14	13	1	
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	54	50	4	
7	Sở Thông tin và Truyền thông	25	21	4	
8	Sở Xây dựng	43	41	2	
9	Sở Nội vụ	62	56	6	
9.1	Văn phòng Sở	39	36	3	
9.2	Ban Thi đua - Khen thưởng	11	9	2	
9.3	Ban Tôn giáo	12	11	1	
10	Sở Ngoại vụ	23	21	2	
11	Sở Công Thương	43	40	3	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44	39	5	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	46	41	5	
13.1	Văn phòng Sở	32	29	3	
13.2	Chi cục TCĐLCL	14	12	2	
14	Sở Tư pháp	34	30	4	
15	Sở GDĐT	57	56	1	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	71	66	5	
16.1	Cơ quan Sở	49	46	3	
16.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	14	13	1	
16.3	Chi cục Biển, Hải đảo và TNN	8	7	1	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
1	2	3	4	5	6
17	Sở Giao thông vận tải	53	51	2	
18	Thanh tra tỉnh	42	39	3	
19	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh	58	50	8	
20	VP Ban An toàn giao thông tỉnh	5	4	1	
21	VP Điều phối thực hiện CT MTQG Xây dựng nông thôn mới	16	15	1	
B	CẤP HUYỆN	1069	1020	49	
1	Huyện Kỳ Anh	72	69	3	
2	Thị xã Kỳ Anh	74	71	3	
3	Huyện Cẩm Xuyên	90	86	4	
4	UBND thành phố	95	91	4	
5	Huyện Thạch Hà	93	90	3	
6	Huyện Can Lộc	89	85	4	
7	Thị xã Hồng Lĩnh	66	62	4	
8	Huyện Nghi Xuân	77	74	3	
9	Huyện Đức Thọ	82	78	4	
10	Huyện Hương Sơn	92	88	4	
11	Huyện Vũ Quang	74	69	5	
12	Huyện Hương Khê	90	86	4	
13	Huyện Lộc Hà	75	71	4	
III	Biên chế dự phòng	0	0		

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NĂM 2020

(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	26641	26502	139	320	317	3	
1	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Dạy nghề	22273	22247	26	59	59	0	
1	Đại học, Cao đẳng, TH chuyên nghiệp	505	483	22	59	59	0	
1	<i>Trường Đại học Hà Tĩnh</i>	<i>240</i>	<i>232</i>	<i>8</i>	<i>27</i>	<i>27</i>		
2	<i>Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề</i>	<i>197</i>	<i>183</i>	<i>14</i>	<i>16</i>	<i>16</i>	<i>0</i>	
	<i>Trường Cao đẳng Y tế</i>	<i>66</i>	<i>62</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>4</i>		
	<i>Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh</i>	<i>83</i>	<i>77</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	<i>6</i>		
	<i>Trường Cao đẳng Nguyễn Du</i>	<i>48</i>	<i>44</i>	<i>4</i>	<i>6</i>	<i>6</i>		
3	<i>Trung học chuyên nghiệp, trung học nghề</i>	<i>68</i>	<i>68</i>	<i>0</i>	<i>16</i>	<i>16</i>	<i>0</i>	
	<i>Trường Trung cấp nghề</i>	<i>30</i>	<i>30</i>	<i>0</i>	<i>7</i>	<i>7</i>		
	<i>Trường Trung cấp Kỹ nghệ</i>	<i>36</i>	<i>36</i>		<i>8</i>	<i>8</i>		
	<i>Trường Trung cấp Nghề Lý Tự Trọng</i>	<i>2</i>	<i>2</i>		<i>1</i>	<i>1</i>		
2	Mầm non, phổ thông các cấp	21590	21586	4				
	<i>Biên chế bậc học Mầm non</i>	<i>5885</i>	<i>5885</i>					

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Biên chế bậc học tiểu học	6974	6974					
	Biên chế bậc học Trung học cơ sở	5500	5500					
	Biên chế bậc học Trung học phổ thông	3017	3013	4				cộng 1 y tế 240 trường nội trú
	Biên chế giáo dục phổ thông dôi dư	214	214					
	Biên chế bổ sung tuyển dụng nhân viên y tế theo QĐ 240/QĐ-UBND							
3	Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện	159	159					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nghi Xuân	20	20					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Hương Khê	12	12					
	Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Kỳ Anh	18	18					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Can Lộc	24	24					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Vũ Quang	13	13					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cẩm Xuyên	15	15					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Lộc Hà	12	12					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Hương Sơn	19	19					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch Hà	16	16					
	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Đức Thọ	10	10					

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú	
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí				
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
4	Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và Giáo dục thường xuyên tỉnh	19	19						
II	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Y tế	2962	2921	41	159	159	0		
1	Tuyển tỉnh	451	429	22	0	0	0		
1.1	Bệnh viện	239	225	14					
1	BV đa khoa KV Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo	51	48	3					
2	BV Phổi	95	91	4					
3	Bệnh viện Tâm thần	58	52	6					
4	Bệnh viện Mắt	35	34	1					
1.2	Trung tâm	212	204	8					
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	157	152	5				cộng 18 hợp đồng metanol	
2	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm	29	28	1	0				
3	Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa	26	24	2					
2	Tuyển huyện	2511	2492	19	159	159	0		
2.1	Bệnh viện	421	413	8	159	159	0		
17	BV đa khoa huyện Hương Sơn				6	6			
18	BV đa khoa huyện Đức Thọ				12	12			
19	BV đa khoa huyện Can Lộc				5	5			
20	BV đa khoa huyện Vũ Quang	110	108	2	0				
21	BV đa khoa huyện Nghi Xuân				10	10			

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	BV đa khoa huyện Thạch Hà	151	150	1	36	36		
23	BV đa khoa huyện Lộc Hà				10	10		
24	BV đa khoa huyện Hương Khê				7	7		
25	BV đa khoa thị xã Kỳ Anh				20	20		
26	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên				5	5		
27	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh	160	155	5	28	28		
28	BV đa khoa TP Hà Tĩnh				20	20		
2.2	<i>Trung tâm Y tế dự phòng</i>	394	383	11	0	0	0	
1	TT Y tế huyện Kỳ Anh (thực hiện nhiệm vụ dân số)	123	122	1				
2	TT Y tế thị xã Kỳ Anh (thực hiện nhiệm vụ dân số)	15	15					trong đó 1 HD 3604
3	TT YTDP thị xã Hồng Lĩnh	21	20	1				
4	TT YTDP huyện Lộc Hà	19	19					
5	TT YTDP huyện Can Lộc	26	25	1				
6	TT YTDP huyện Đức Thọ	25	24	1				
7	TT YTDP huyện Nghi Xuân	21	20	1				
8	TT YTDP huyện Vũ Quang	22	21	1				
9	TT YTDP huyện Cẩm Xuyên	21	20	1				

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	TT YTDP huyện Thạch Hà	24	23	1				
11	TT YTDP thành phố Hà Tĩnh	19	18	1				
12	TT YTDP huyện Hương Khê	26	25	1				
13	TT YTDP huyện Hương Sơn	32	31	1				
2.3	<i>Trung tâm Dân số KHHGD</i>	58	58					
1	TT DS - KHHGD Cẩm Xuyên	5	5					
2	TT DS - KHHGD Nghi Xuân	5	5					
3	TT DS - KHHGD Can Lộc	5	5					
4	TT DS - KHHGD Thạch Hà	5	5					
5	TT DS - KHHGD Hương Sơn	5	5					
6	TT DS - KHHGD Đức Thọ	6	6					
7	TT DS - KHHGD Hương Khê	5	5					
8	TT DS - KHHGD thành phố Hà Tĩnh	6	6					
9	TT DS - KHHGD Vũ Quang	6	6					
10	TT DS - KHHGD Hồng Lĩnh	5	5					
11	TT DS - KHHGD Lộc Hà	5	5					
2.4	<i>Trạm Y tế xã, phường, thị trấn</i>	1638	1638	0	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Trạm Y tế xã thuộc huyện Kỳ Anh	149	149					bao gồm 8 biên chế của 240
2	Trạm Y tế xã thuộc TX Kỳ Anh	87	87					bao gồm 3 biên chế của 240
3	Trạm Y tế xã thuộc thị xã Hồng Lĩnh	38	38					bao gồm 1 biên chế của 240
4	Trạm Y tế xã thuộc huyện Lộc Hà	80	80					bao gồm 4 biên chế của 240
5	Trạm Y tế xã thuộc huyện Can Lộc	139	139					bao gồm 6 biên chế của 240
6	Trạm Y tế xã thuộc huyện Đức Thọ	158	158					bao gồm 19 biên chế của 240
7	Trạm Y tế xã thuộc huyện Nghi Xuân	116	116					bao gồm 3 biên chế của 240
8	Trạm Y tế xã thuộc huyện Vũ Quang	67	67					
9	Trạm Y tế xã thuộc huyện Cẩm Xuyên	175	175					bao gồm 8 biên chế của 240
10	Trạm Y tế xã thuộc huyện Thạch Hà	181	181					bao gồm 8 biên chế của 240
11	Trạm Y tế xã thuộc thành phố Hà Tĩnh	88	88					bao gồm 3 biên chế của 240
12	Trạm Y tế xã thuộc huyện Hương Khê	158	158					bao gồm 5 biên chế của 240
13	Trạm Y tế xã thuộc huyện Hương Sơn	202	202					bao gồm 8 biên chế của 240
III	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch	430	402	28	24	22	2	
1	TT Văn hóa-Điện ảnh	28	25	3	2	2		
2	TT QBXT VHDL	10	9	1	0			
3	Bảo tàng tỉnh	16	14	2	0			
4	Thư viện tỉnh	22	19	3	0			

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Nhà hát NTTT tỉnh	40	38	2	0			
6	Ban Quản lý di tích (thuộc SVHTTDL)	30	23	7	0			
7	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	28	23	5	1	1		
8	BQL Khu du lịch chùa Hương Tích	3	3		6	4	2	
9	BQL Khu du lịch Thiên Cầm	4	4		3	3		
10	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Kỳ Anh	14	14		0			
11	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông thị xã Kỳ Anh	15	15		0			1 HĐ 3604
12	Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện Cẩm Xuyên	18	17	1	2	2		
13	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông thành phố Hà Tĩnh	26	26		2	2		
14	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Thạch Hà	21	21		2	2		
15	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Lộc Hà	16	16		1	1		
16	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Can Lộc	18	16	2	0	0		
17	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Hương Khê	20	20		1	1		
18	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Hương Sơn	23	21	2	0			

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
19	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Vũ Quang	20	20		1	1		
20	Trung tâm Văn hóa - Thông tin thị xã Hồng Lĩnh	18	18		0			
21	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Đức Thọ	19	19		2	2		
22	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Nghi Xuân	21	21		1	1		
III	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	102	98	4	3	3	0	
1	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	88	85	3	3	3		
2	Trung tâm Thông tin- Công báo - Tin học	14	13	1	0			
V	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực nghiên cứu khoa học	183	183	0	0	0	0	
1	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Kỳ Anh	12	12					
2	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN TX. Kỳ Anh	10	10					
3	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Cẩm Xuyên	15	15					
4	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN TP Hà Tĩnh	13	13					
5	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Hương Khê	17	17					

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú	
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí				
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
6	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Thạch Hà	15	15						
7	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Can Lộc	17	17						
8	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN TX. Hồng Lĩnh	13	13						
9	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Nghi Xuân	15	15						
10	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Đức Thọ	17	17						
11	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Hương Sơn	17	17						
12	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Vũ Quang	11	11						
13	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Lộc Hà	11	11						
VI	Đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	691	651	40	75	74	1		
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	15	12	3					
2	Ban Quản lý khu vực mỏ sắt Thạch Khê	10	8	2	0				
3	Trạm Kiểm dịch động vật	7	7		0				
4	Trạm Kiểm dịch thực vật	4	4		0				
5	Văn phòng QL lưu vực Sông Cả (Chi cục Thủy lợi)	2	2		0				

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Trung tâm Khuyến nông	41	40	1	0			
7	Đoàn Điều tra quy hoạch nông, lâm nghiệp (Biên chế Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí)	17	17		32	32		
8	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	9	8	1	6	6		
9	Ban Quản lý các cảng cá, bến cá	10	8	2	3	3		
10	Vườn Quốc gia Vũ Quang	73	68	5	0			
11	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gỗ	63	59	4	0			
12	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê	38	38	0	0			
13	Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Ngân Phố	22	22	0	0			
14	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh	26	26	0	0			
15	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh	12	12	0	0			
16	Văn phòng Đăng ký đất đai	44	44		10	10	0	
17	Trung tâm Phát triển quỹ đất	15	13	2	0			
18	Phòng Công chứng số 1	6	6		0			
19	Phòng Công chứng số 2	5	5		0			
20	Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh	16	16					
21	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh	7	7		2	2		
22	Trung tâm dịch vụ việc làm	8	8	0	5	5	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội	37	35	2	0			
24	Trung tâm công tác xã hội, Quỹ bảo trợ trẻ em, Tư vấn giáo dục nghề nghiệp, Phục hồi chức năng cho người khuyết tật	36	31	5	0			hợp nhất Trung tâm Dạy nghề, GT, Giải quyết VL cho người tàn tật và Quỹ Bảo trợ trẻ em
25	Làng trẻ em mồ côi	22	21	1	0			
26	Trung tâm điều dưỡng NCC và BTXH	34	31	3	0			
27	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh Hà Tĩnh	22	19	3	3	3		
28	Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư	12	10	2				
29	Trung tâm Tư vấn và dịch vụ tài chính công	5	5		2	2		
30	Trung tâm Dịch thuật và Dịch vụ Đối ngoại Hà Tĩnh	2	2		2	2		
31	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	16	14	2				
32	BC Phụ trách giải phòng mặt bằng huyện Thạch Hà	3	3					
33	Bộ phận chuyên trách giúp việc BC Phụ trách giải phòng mặt bằng thị xã Kỳ Anh	5	5		4	4		
34	Trung tâm Dịch vụ hạ tầng và môi trường đô thị thị xã Kỳ Anh	6	4	2	6	5	1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
35	Ban Bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố Hà Tĩnh	4	4		0			
36	Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Hà Tĩnh	5	5		0			có thêm 3 HĐ 3604
37	Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã Hồng Lĩnh	3	3		0			
38	Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã Kỳ Anh	5	5		0			
39	Tổng đội TNXP-XDKT vùng Tây Sơn - Hương Sơn	6	6		0			
40	Tổng đội TNXP-XDKT vùng Phúc Trạch - Hương Khê	4	4		0			
41	Trung tâm HN và PTKT thủy sản TNXP Hà Tĩnh	3	3		0			
42	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân	11	11		0			

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI, ĐOÀN THỂ
NĂM 2020

(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2020							Ghi chú
		Biên chế do NN cấp ngân sách				Biên chế đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	Hỗ trợ bằng NSNN	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	26
	TỔNG CỘNG	149	96	45	8	0	0	0	
I	CẤP TỈNH	90	62	20	8	0	0	0	
1	Biên chế chuyên trách đoàn kết công giáo	1	1						
2	Quy Phát triển phụ nữ Hà Tĩnh	2	1	1					
3	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	11	9	1	1				
4	Hội Người mù	9	5	1	3				
5	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật	12	11	1	0				
6	Liên hiệp các Hội KH-KT	9	7	1	1				
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2	2	0	0				
8	Hội Đông y	6	2	4	0				
9	Hội Nhà báo	5	4	0	1				
10	Hội Luật gia	2	2	0	0				
11	Liên minh các Hợp tác xã	20	16	2	2				
12	Hội Khuyến học	2	1	1	0				
13	Hội người cao tuổi tỉnh	2	1	1	0				
14	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	2	0	2	0				
15	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	2	0	2	0				
16	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	3	0	3	0				

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2020							Ghi chú
		Biên chế do NN cấp ngân sách				Biên chế đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	Hỗ trợ bằng NSNN	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
II	CẤP HUYỆN	59	34	25	0				
1	Hội Chữ thập đỏ huyện Kỳ Anh	2	2	0	0				
1	Hội Chữ thập đỏ thị xã Kỳ Anh	2	1	1	0				
3	Hội Chữ thập đỏ huyện Cẩm Xuyên	2	1	1	0				
4	Hội Chữ thập đỏ thành phố Hà Tĩnh	2	2	0	0				
5	Hội Chữ thập đỏ huyện Hương Khê	2	2	0	0				
6	Hội Chữ thập đỏ huyện Thạch Hà	2	1	1	0				
7	Hội Chữ thập đỏ huyện Can Lộc	3	2	1	0				
8	Hội Chữ thập đỏ thị xã Hồng Lĩnh	2	2	0	0				
9	Hội Chữ thập đỏ huyện Nghi Xuân	2	2	0	0				
10	Hội Chữ thập đỏ huyện Đức Thọ	2	1	1	0				
11	Hội Chữ thập đỏ huyện Hương Sơn	2	1	1					
12	Hội Chữ thập đỏ huyện Vũ Quang	2	2	0	0				
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Lộc Hà	2	2	0	0				
14	Hội Người mù huyện Kỳ Anh	2	0	2	0				
15	Hội Người mù thị xã Kỳ Anh	2	1	1	0				
16	Hội Người mù huyện Cẩm Xuyên	1	1		0				
17	Hội Người mù thành phố Hà Tĩnh	2	0	2	0				
18	Hội Người mù huyện Hương Khê	1	1		0				
19	Hội Người mù huyện Thạch Hà	2	0	2	0				
20	Hội Người mù huyện Can Lộc	2	2	0	0				

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2020						Ghi chú	
		Biên chế do NN cấp ngân sách				Biên chế đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	Hỗ trợ bằng NSNN	HD 68	Tổng số	Biên chế		HD 68
21	Hội Người mù thị xã Hồng Lĩnh	1	1		0				
22	Hội Người mù huyện Nghi Xuân	2	1	1	0				
23	Hội Người mù huyện Đức Thọ	2	2	0	0				
24	Hội Người mù huyện Hương Sơn	2	0	2	0				
25	Hội Người mù huyện Vũ Quang	2	1	1	0				
26	Hội Người mù huyện Lộc Hà	0	0	0	0				
27	Hội người cao tuổi huyện Kỳ Anh	1	0	1	0				
28	Hội người cao tuổi thị xã Kỳ Anh	1	0	1	0				
29	Hội người cao tuổi huyện Cẩm Xuyên	1	0	1	0				
30	Hội người cao tuổi thành phố Hà Tĩnh	1	0	1	0				
31	Hội người cao tuổi huyện Hương Khê	0	0	0	0				
32	Hội người cao tuổi huyện Thạch Hà	1	0	1	0				
33	Hội người cao tuổi huyện Can Lộc	0	0	0	0				
34	Hội người cao tuổi thị xã Hồng Lĩnh	1	0	1	0				
35	Hội người cao tuổi huyện Nghi Xuân	1	0	1	0				
36	Hội người cao tuổi huyện Đức Thọ	1	0	1	0				
37	Hội người cao tuổi huyện Hương Sơn	1	1	0	0				
38	Hội người cao tuổi huyện Vũ Quang	1	1	0	0				
39	Hội người cao tuổi huyện Lộc Hà	1	1	0	0				

PHỤ LỤC V

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2020

Số lượng người làm việc tại các trường tiểu học

(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị	Số trường	Số học sinh hiện có	Kế hoạch số lớp 2020	Quản lý			Đội			Hỗ trợ phục vụ (hành chính)			Giáo viên			Tổng biên chế		
				Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + Giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + Giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + Giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + Giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + Giảm -
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
TX Ka	11	8861	310	29	29	0	11	11	0	28	28	0	418	440	22	486	508	22
Kỳ Anh	18	11831	410	49	47	-2	19	19	0	47	43	-4	564	582	18	679	691	12
Cẩm Xuyên	24	13.053	440	56	52	-4	26	24	-2	58	55	-3	618	625	7	758	756	-2
Thành Phố	15	9584	287	33	33	0	15	15	0	28	28	0	398	408	10	474	484	10
Thạch Hà	25	11829	392	58	56	-2	30	25	-5	55	55	0	532	557	25	675	693	18
Lộc Hà	12	7695	246	28	27	-1	13	12	-1	32	31	-1	348	349	1	421	419	-2
Can Lộc	22	12334	402	52	50	-2	22	22	0	56	53	-3	568	571	3	698	696	-2
Hương Khê	22	9773	340	50	48	-2	22	22	0	54	54	0	466	482	16	592	606	14
Hương Sơn	27	9396	336	65	62	-3	29	27	-2	66	66	0	492	490	-2	652	645	-7
Vũ Quang	10	2611	106	25	23	-2	12	10	-2	26	24	-2	152	151	-1	215	208	-7
Đức Thọ	24	8225	303	54	52	-2	28	24	-4	56	56	0	428	430	2	566	562	-4

Hồng Lĩnh	6	3491	106	14	13	-1	6	6	0	12	12	0	146	150	4	178	181	3
Nghi Xuân	17	8745	303	43	39	-4	19	17	-2	40	39	-1	408	430	22	510	525	15
Tổng	233	117428	3981	556	531	-25	252	234	-18	558	544	-14	5538	5665	127	6904	6974	70

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

Số lượng người làm việc tại các trường mầm non

(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Trường hiện có	Số trẻ hiện có	Kế hoạch số lớp năm 2020	Quản lý			Nhân viên hỗ trợ phục vụ			Giáo viên					Tổng cộng		
					Kế hoạch giao 2019	Kế hoạch giao 2020	Tăng+ giảm-	Kế hoạch giao 2019	Kế hoạch giao 2020	Tăng+ giảm-	Kế hoạch giao năm 2019			Kế hoạch giao năm 2020	Tăng+ Giảm -	Kế hoạch giao 2019	Kế hoạch giao 2020	Tăng +
											Biên chế giáo viên	HD 2059	Tổng biên chế					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	TX Ka	12	4421	168	36	35	-1	12	12	0	249	87	336	336	87	297	383	86
2	Kỳ Anh	21	6442	260	63	59	-4	21	21	21	439	78	517	521	82	523	601	78
3	Cẩm Xuyên	24	7264	260	75	71	-4	20	24	4	425	75	500	520	95	520	615	95
4	Thành Phố	15	4223	140	42	41	-1	15	15	0	233	46	279	280	47	290	336	46
5	Thạch Hà	26	8021	281	77	73	-4	32	39	7	427	130	557	562	135	536	674	138
6	Lộc Hà	12	4428	146	38	36	-2	13	12	-1	206	83	289	292	86	257	340	83
7	Can Lộc	21	7260	255	62	62	0	23	28	5	421	89	510	510	89	506	600	94
8	Hương Khê	21	5488	200	68	65	-3	21	21	0	383	16	399	400	17	472	486	14
9	Hương Sơn	30	5953	232	84	82	-2	32	40	8	359	101	460	464	105	475	586	111
10	Vũ Quang	12	1663	64	32	31	-1	12	12	0	109	30	132	132	23	153	175	22
11	Đức Thọ	24	4666	172	60	60	0	28	36	8	278	81	359	359	81	366	455	89
12	Hồng Lĩnh	6	1927	65	14	17	3	6	6	0	109	33	142	142	33	129	165	36
13	Nghi Xuân	17	5450	201	52	50	-2	19	17	-2	337	61	398	402	65	408	469	61
Tổng cộng		241	67206	2444	703	682	-21	254	283	29	3975	910	4885	4920	945	4932	5885	953

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VI
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

Số lượng người làm việc tại các trường trung học cơ sở
(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

Huyện	Số trường	Số học sinh hiện có	Kế hoạch số lớp giao	Quản lý			Đội			Hỗ trợ phục vụ (hành chính)			Giáo viên			Tổng biên chế			Dôi dư so với hiện có
				Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Tăng + giảm -	Giao năm 2019	Giao năm 2020	Giảm -	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
TX Kỳ Anh	10	5156	147	23	21	-2	10	10	0	38	38	0	280	280	0	351	349	-2	
Kỳ Anh	16	7523	233	35	34	-1	15	15	0	55	53	-2	442	442	0	547	544	-3	
Cẩm Xuyên	16	8452	257	38	34	-4	16	16	0	56	55	-1	502	489	-13	612	594	-18	
Thanh Phố	9	6017	155	18	18	0	9	9	0	33	31	-2	295	295	0	355	353	-2	0
Thanh Hà	15	7823	236	32	32	0	15	15	0	53	52	-1	450	450	0	550	549	-1	-27
Lộc Hà	7	5279	157	16	16	0	7	7	0	28	28	0	304	304	0	355	355	0	-1
Can Lộc	15	7915	269	32	33	1	15	15	0	49	47	-2	517	517	0	612.8	612	-1	-26
Hương Khê	12	5979	183	28	26	-2	13	12	-1	52	50	-2	348	348	0	441	436	-5	-44
Hương Sơn	16	6336	225	37	36	-1	17	16	-1	65	61	-4	435	435	0	554	548	-6	-6
Vũ Quang	7	1533	64	13	13	0	6	6	0	24	24	0	122	122	0	165	165	0	-28
Đức Thọ	10	5476	170	20	20	0	10	10	0	39	39	0	323	323	0	392	392	0	-57
Hồng Lĩnh	6	2280	78	13	12	-1	6	6	0	16	16	0	148	148	0	183	182	-1	-16
Nghi Xuân	11	5635	184	24	23	-1	11	11	0	38	35	-3	352	352	0	425	421	-4	-9
Tổng	150	75404	2358	329	318	-11	150	148	-2	546	529	-17	4518	4505	-13	5543	5500	-43	-214

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VII
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

Số lượng người làm việc tại các trường trung học phổ thông

(Ban hành kèm Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh)

Tên trường	Số trường	Số học sinh hiện có	Số lớp kế hoạch	Tổng biên chế			HD 68		Cán bộ quản lý			Tổng GV đứng lớp			Tổng Nhân viên		
				Giao 2019	KH 2020	Tăng (-), Giảm (+)	Giao 2019	KH 2020	Giao 2019	KH 2020	Tăng (-), Giảm (+)	Giao 2019	KH 2020	Tăng (-), Giảm (+)	Giao 2019	KH 2020	Tăng (-), Giảm (+)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>19</i>	<i>20</i>	<i>21</i>	<i>23</i>	<i>24</i>	<i>25</i>
Sở Giáo dục và Đào tạo	39	42710	1175	3043	3013	-30	4	4	142	142	0	2717	2686	-31	184	185	1